



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
**ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC  
KHÁNH HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 39

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2021)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/04/2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2021)
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/04/2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Đàm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2021)
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Văn Đàm, Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đàm  
Tổng giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Số: ~~304~~BCSX/2021-E.AFA

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Như đã thuyết minh ở mục 3.6 Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, trong 6 tháng đầu năm 2021 Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản cố định nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao đã làm chi phí khấu hao kỳ này giảm đi 8.093.651.285 VND nếu áp dụng thời gian khấu hao như năm 2020. Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ tại ngày 07/08/2020 và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tại ngày 02/03/2021.



---

**Phạm Quang Trung**  
**Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1334-2021-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2021

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>170.023.117.899</b>	<b>169.505.129.267</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>18.000.616.909</b>	<b>22.248.371.303</b>
1. Tiền	111		3.329.031.762	638.249.457
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.671.585.147	21.610.121.846
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>58.000.000.000</b>	<b>64.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	58.000.000.000	64.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.795.844.470</b>	<b>37.983.661.094</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	34.517.715.443	35.061.620.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	12.759.046.208	1.590.856.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	672.682.819	1.484.783.990
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(153.600.000)	(153.600.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>45.703.998.410</b>	<b>43.848.994.453</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.703.998.410	43.848.994.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>522.658.110</b>	<b>1.424.102.417</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.424.102.417
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	522.658.110	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>349.946.110.068</b>	<b>368.704.325.940</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>288.548.872.051</b>	<b>324.362.878.950</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	275.575.407.914	310.355.246.000
Nguyên giá	222		1.034.904.385.528	1.025.354.344.983
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(759.328.977.614)	(714.999.098.983)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	12.973.464.137	14.007.632.950
Nguyên giá	228		28.572.359.400	28.572.359.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.598.895.263)	(14.564.726.450)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>36.752.846.516</b>	<b>19.971.447.913</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	36.752.846.516	19.971.447.913
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.2</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>23.727.804.251</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(272.195.749)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>644.391.501</b>	<b>642.194.826</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	644.391.501	642.194.826
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>519.969.227.967</b>	<b>538.209.455.207</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>218.607.602.850</b>	<b>211.942.231.464</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.763.337.435</b>	<b>94.995.219.229</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	23.781.385.665	23.314.080.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	18.434.302.672	16.798.814.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	7.766.936.057	8.668.294.950
4. Phải trả người lao động	314		8.794.143.074	10.167.511.474
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	922.760.686	1.023.881.364
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	11.986.930.099	4.212.179.027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	14.845.083.000	27.198.163.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.231.796.182	3.612.294.182
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.844.265.415</b>	<b>116.947.012.235</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	18.221.547.308	19.554.947.308
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	103.478.572.433	95.631.572.433
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.144.145.674	1.760.492.494
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>301.361.625.117</b>	<b>326.267.223.743</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>301.361.625.117</b>	<b>326.267.223.743</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.000.000.000	260.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.771.460.050	23.179.047.213
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.737.289.132	42.235.300.595
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	4.657.967.758
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.737.289.132	37.577.332.837
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>519.969.227.967</b>	<b>538.209.455.207</b>



Nguyễn Văn Đàm  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Văn Quân  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà  
Người lập



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	149.926.022.605	172.356.204.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	10.222.091	9.382.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		149.915.800.514	172.346.822.048
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	130.784.178.626	151.938.941.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.131.621.888	20.407.880.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	1.876.243.324	2.255.642.148
7. Chi phí tài chính	22	5.5	2.344.837.027	1.794.356.006
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.617.032.776	2.588.685.206
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	300.000.000	322.838.176
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	4.167.238.059	4.529.595.570
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.195.790.126	16.016.732.834
11. Thu nhập khác	31	5.8	1.851.918.165	2.477.802.636
12. Chi phí khác	32	5.9	1.801.769.773	2.573.416.592
13. Lợi nhuận khác	40		50.148.392	(95.613.956)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.245.938.518	15.921.118.878
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	1.508.649.386	2.045.175.862
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.737.289.132	13.875.943.016
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	490	435
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	490	435



Nguyễn Văn Đàm  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Văn Quân  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.245.938.518	15.921.118.878
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		45.535.697.352	63.780.164.533
Các khoản dự phòng	03		(272.195.749)	(794.329.200)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.876.243.324)	(2.255.642.148)
Chi phí lãi vay	06		2.617.032.776	2.588.685.206
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	521.970.456
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>60.250.229.573</b>	<b>79.761.967.725</b>
3. trước những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.358.492.626)	11.057.097.860
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.855.003.957)	1.398.538.763
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		129.260.998	(7.376.377.667)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.196.675)	1.169.286.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.490.614.712)	(2.599.493.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.600.000.000)	(3.095.035.675)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		9.585.000	19.370.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.375.003.000)	(954.344.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>41.707.764.601</b>	<b>79.381.009.427</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.119.435.876)	(43.947.213.624)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(34.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.000.000.000	28.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.323.996.881	2.230.363.253
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.795.438.995)</b>	<b>(47.716.850.371)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	610.460.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	7.847.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(12.353.080.000)	(15.601.607.400)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(22.654.000.000)	3.529.183.473
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27.160.080.000)</b>	<b>(11.461.963.927)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(4.247.754.394)</b>	<b>20.202.195.129</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.248.371.303	23.963.403.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>18.000.616.909</b>	<b>44.165.598.472</b>



Nguyễn Văn Đàm  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Văn Quân  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa, được thành lập từ chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp nước Khánh Hòa theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND Tỉnh Khánh Hòa. UBND Tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 03/09/2013 và Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 23 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 09 năm 2018.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KHW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 260.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Việt Nam	132.600.000.000	51,00	132.600.000.000	51,00
Công ty TNHH Nước sạch REE	Việt Nam	114.096.000.000	43,88	114.096.000.000	43,88
Các cổ đông khác	Việt Nam	13.304.000.000	5,12	13.304.000.000	5,12
<b>Cộng</b>		<b>260.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 328 (31 tháng 12 năm 2020 là: 321).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án công trình cấp thoát nước, tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp - thoát nước. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm; Kiểm định đồng hồ điện tử; Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có 01 công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
<b>Công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	30%	30%	30%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy nước Xuân Phong Nhà máy nước Võ Cảnh	Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang Gò Đình, thôn Võ Cảnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa - Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### *Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

### *Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **3.4. Nợ phải thu**

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dỡ dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

#### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

#### **Năm 2021**

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 – 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 03 – 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản cố định nhằm đảm bảo sự hợp lý hơn về thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao đã làm chi phí khấu hao kỳ này giảm đi 8.093.651.285 VND nếu áp dụng thời gian khấu hao như năm 2020.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 58 Đường Yersin, Phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 389613 ngày 24/08/2009 thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 11, thời hạn sử dụng đất đến ngày 16/01/2039 và tại Thôn Võ Cảnh, xã Vĩnh Trung, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 898789 ngày 25/07/2013 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 23, thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/09/2049. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**Năm 2021**

- Phần mềm máy tính 03 năm

**3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 18 tháng đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;



### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của công ty là chi phí lãi vay, được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định.

#### 3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.13. Doanh thu, thu nhập khác

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây.

### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **3.15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

### **3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước,

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### 3.19. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước: 10%;
- Các dịch vụ khác: 20%.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước: 5%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	109.509.421	383.412
Tiền gửi ngân hàng	3.219.522.341	637.866.045
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	14.671.585.147	21.610.121.846
<b>Cộng</b>	<b>18.000.616.909</b>	<b>22.248.371.303</b>

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	58.000.000.000	58.000.000.000	64.000.000.000	64.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.000.000.000</b>	<b>58.000.000.000</b>	<b>64.000.000.000</b>	<b>64.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2021  
VND

Tại ngày 01/01/2021  
VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000	(272.195.749)	-
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>(272.195.749)</b>	<b>-</b>

Kỳ này

Kỳ trước

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ:

Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu

Hoạt động kinh doanh có lãi

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Mục 8.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu hoạt động cung cấp nước	34.457.363.443	31.188.336.704
Ban Quản Lý Dịch vụ Công ích Thành phố Nha Trang	-	3.817.332.000
Các khách hàng khác	60.352.000	55.952.000
<b>Cộng</b>	<b>34.517.715.443</b>	<b>35.061.620.704</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH TK Cộng	1.295.806.400	1.295.806.400
Công ty Cổ phần Bạch đằng 4	10.397.296.808	-
Các nhà cung cấp khác	1.065.943.000	295.050.000
<b>Cộng</b>	<b>12.759.046.208</b>	<b>1.590.856.400</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế TNCN phải thu CBCNV	-	-	28.083.475	-
Lãi dự thu	426.590.416	-	874.343.973	-
Ký cược, ký quỹ	237.201.500	-	543.124.724	-
Tạm ứng	8.890.903	-	-	-
Phải thu khác	-	-	39.231.818	-
<b>Cộng</b>	<b>672.682.819</b>	<b>-</b>	<b>1.484.783.990</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	153.600.000	-	153.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>153.600.000</b>	<b>-</b>	<b>153.600.000</b>	<b>-</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần 504	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần CATSOFT	53.600.000	-	Trên 3 năm	53.600.000	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>153.600.000</b>	<b>-</b>		<b>153.600.000</b>	<b>-</b>	

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.641.034.595	-	28.727.043.751	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.062.963.815	-	15.121.950.702	-
<b>Cộng</b>	<b>45.703.998.410</b>	<b>-</b>	<b>43.848.994.453</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Võ Cạnh	26.646.852.753	16.967.862.733
Tuyến ống DN900 Cầu Dứa - Mã Vòng	1.593.671.183	964.619.819
Tuyến ống DN700-900 Cao Bá Quát - Cầu Lùng	608.235.454	608.235.454
Dự án mở rộng cấp nước thành phố Nha Trang	336.154.589	336.154.589
Cải tạo tuyến ống cấp nước DN300,100,50 - Đường Phạm Văn Đồng (từ cầu Hòn Một đến cầu vượt Nguyễn Đình Chiểu)	3.919.761.533	-
Các công trình tuyến ống cấp nước khác	3.648.171.004	1.094.575.318
<b>Cộng</b>	<b>36.752.846.516</b>	<b>19.971.447.913</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	89.846.971.144	250.739.652.977	682.219.692.630	2.548.028.232	1.025.354.344.983
Mua trong kỳ	954.079.091	132.870.000	-	-	1.086.949.091
XDCB hoàn thành	-	1.151.317.364	8.099.770.818	-	9.251.088.182
Trình bày lại	-	-	(787.996.728)	-	(787.996.728)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>90.801.050.235</b>	<b>252.023.840.341</b>	<b>689.531.466.720</b>	<b>2.548.028.232</b>	<b>1.034.904.385.528</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	58.599.024.167	202.420.692.830	452.525.027.029	1.454.354.957	714.999.098.983
Khấu hao trong năm	3.392.748.946	9.262.712.656	32.297.810.283	164.603.474	45.117.875.359
Trình bày lại	-	-	(787.996.728)	-	(787.996.728)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>61.991.773.113</b>	<b>211.683.405.486</b>	<b>484.034.840.584</b>	<b>1.618.958.431</b>	<b>759.328.977.614</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	31.247.946.977	48.318.960.147	229.694.665.601	1.093.673.275	310.355.246.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>28.809.277.122</b>	<b>40.340.434.855</b>	<b>205.496.626.136</b>	<b>929.069.801</b>	<b>275.575.407.914</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 của TSCĐ hữu hình là 23.750.344.386 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 301.031.071.416 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	24.636.685.000	3.935.674.400	28.572.359.400
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>24.636.685.000</b>	<b>3.935.674.400</b>	<b>28.572.359.400</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	10.949.710.885	3.615.015.565	14.564.726.450
Khấu hao trong kỳ	818.172.015	215.996.798	1.034.168.813
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>11.767.882.900</b>	<b>3.831.012.363</b>	<b>15.598.895.263</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	13.686.974.115	320.658.835	14.007.632.950
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>12.868.802.100</b>	<b>104.662.037</b>	<b>12.973.464.137</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 của TSCĐ vô hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.077.141.400 VND.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	301.441.905	642.194.826
Chi phí sửa chữa, chi phí khác	342.949.596	-
<b>Cộng</b>	<b>644.391.501</b>	<b>642.194.826</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	5.131.221.138	5.131.221.138	5.593.156.000	5.593.156.000
Công ty cổ phần công nghệ Bách Việt	313.500.000	313.500.000	2.262.143.400	2.262.143.400
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	3.292.212.000	3.292.212.000	5.366.812.000	5.366.812.000
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	88.492.855	88.492.855	2.463.595.860	2.463.595.860
Công ty TNHH Dũng Lợi	-	-	2.488.081.000	2.488.081.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu	3.084.900.000	3.084.900.000	3.003.000.000	3.003.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	8.880.651.872	8.880.651.872	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.990.407.800	2.990.407.800	2.137.292.300	2.137.292.300
<b>Cộng</b>	<b>23.781.385.665</b>	<b>23.781.385.665</b>	<b>23.314.080.560</b>	<b>23.314.080.560</b>
Trong đó, Phải trả người bán với bên liên quan - Xem thêm mục 8	3.084.900.000	3.084.900.000	3.003.000.000	3.003.000.000

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	16.114.367.672	16.114.367.672
Ban Quản Lý Dịch vụ Công ích Thành phố Nha Trang	1.800.000.000	-
Các khách hàng khác	519.935.000	684.447.000
<b>Cộng</b>	<b>18.434.302.672</b>	<b>16.798.814.672</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp /khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	522.658.110	-	11.376.625.065	12.439.645.137	-	540.361.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	275.025.968	1.508.649.386	2.600.000.000	-	1.366.376.582
Thuế thu nhập cá nhân	-	203.375.082	867.822.082	925.972.475	-	261.525.475
Thuế tài nguyên	-	144.579.840	846.544.160	844.204.480	-	142.240.160
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	28.239.800	28.239.800	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	7.143.955.167	40.234.993.022	39.448.828.626	-	6.357.790.771
<b>Cộng</b>	<b>522.658.110</b>	<b>7.766.936.057</b>	<b>54.865.873.515</b>	<b>56.289.890.518</b>	<b>-</b>	<b>8.668.294.950</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	386.501.080	346.008.780
Chi phí lãi vay phải trả	150.837.285	136.019.221
Thù lao HĐQT và BKS	55.800.000	-
Chi phí dịch vụ bảo vệ	169.600.000	169.600.000
Chi phí khác	160.022.321	372.253.363
<b>Cộng</b>	<b>922.760.686</b>	<b>1.023.881.364</b>

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	505.925.229	250.652.851
Cổ tức phải trả	8.003.967.758	-
Nhận ký quỹ ký cược	3.477.037.112	3.342.037.112
Phải trả khác	-	619.489.064
<b>Cộng</b>	<b>11.986.930.099</b>	<b>4.212.179.027</b>
Dài hạn		
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	12.891.147.308	13.327.147.308
Lãi vay được ân hạn (*)	5.330.400.000	6.218.800.000
Các khoản khác	-	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.221.547.308</b>	<b>19.554.947.308</b>

(\*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn liên quan đến khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khánh Hòa căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng một lần với số tiền 888.400.000 VND, kỳ trả lãi cuối cùng là tháng 06/2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ vay dài hạn đến hạn trả:						
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận (Nguồn vốn ODA) (1)	4.513.080.000	4.513.080.000	-	4.513.080.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa (2)	5.040.003.000	5.040.003.000	-	3.840.000.000	8.880.003.000	8.880.003.000
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa (3)	5.292.000.000	5.292.000.000	-	4.000.000.000	9.292.000.000	9.292.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.845.083.000</b>	<b>14.845.083.000</b>	<b>-</b>	<b>12.353.080.000</b>	<b>27.198.163.000</b>	<b>27.198.163.000</b>
Vay dài hạn:						
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận (Nguồn vốn ODA) (1)	22.565.400.978	22.565.400.978	-	-	22.565.400.978	22.565.400.978
Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa (2)	44.621.222.000	44.621.222.000	7.847.000.000	-	36.774.222.000	36.774.222.000
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa (3)	36.291.949.455	36.291.949.455	-	-	36.291.949.455	36.291.949.455
<b>Cộng</b>	<b>103.478.572.433</b>	<b>103.478.572.433</b>	<b>7.847.000.000</b>	<b>-</b>	<b>95.631.572.433</b>	<b>95.631.572.433</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.323.655.433</b>	<b>118.323.655.433</b>	<b>7.847.000.000</b>	<b>12.353.080.000</b>	<b>122.829.735.433</b>	<b>122.829.735.433</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

(1) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khánh Hòa theo Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA với số tiền vay 135.392.400.978 VND; Thời hạn trả nợ vay là 20 năm bắt đầu từ ngày 01/12/2004, mỗi năm 2 kỳ vào các ngày 01/06 và 01/12, chia thành 40 bán niên; Lãi suất cho vay: 5%/năm (đã bao gồm phí quản lý cho vay là 0,2%/năm). Mục đích vay: Đầu tư dự án "Cấp nước và vệ sinh thành phố Nha Trang".

(2) Vay dài hạn Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD – ĐTPT ngày 21/11/2016 với hạn mức 24.370.000.000 VND; thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 96 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên.

- Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD - ĐTPT ngày 27/12/2017 với hạn mức 41.150.000.000 VND; thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cạnh đến Cầu Dừa - Nha Trang.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/HĐTD - ĐTPT ngày 22/05/2019 với hạn mức 11.700.000.000 VND; thời hạn vay là 141 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 139 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp.

- Hợp đồng tín dụng số 17/2020/HĐTD - ĐTPT ngày 09/12/2020 với hạn mức 43.290.000.000 VND; thời hạn vay là 136 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 132 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư dự án "Mở rộng, nâng cấp công suất nhà máy nước Võ Cạnh".

(3) Vay dài hạn Ngân sách tỉnh Khánh Hòa với số tiền 73.167.899.183 VND để đầu tư dự án "Mở rộng, nâng cấp công suất Nhà máy nước Võ Cạnh", lãi suất cho vay là 0%/năm. Thời hạn trả nợ là 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	260.000.000.000	852.875.935	(610.460.000)	14.135.227.000	44.757.756.971	319.135.399.906
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	13.875.943.016	13.875.943.016
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.043.820.213	(9.043.820.213)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.355.969.000)	(6.355.969.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	-	610.460.000	-	-	610.460.000
<b>Số dư tại ngày 30/06/2020</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>852.875.935</b>	<b>-</b>	<b>23.179.047.213</b>	<b>43.233.910.774</b>	<b>327.265.833.922</b>
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	23.701.389.821	23.701.389.821
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.700.000.000)	(24.700.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>852.875.935</b>	<b>-</b>	<b>23.179.047.213</b>	<b>42.235.300.595</b>	<b>326.267.223.743</b>
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	12.737.289.132	12.737.289.132
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	4.592.412.837	(4.592.412.837)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(6.984.920.000)	(6.984.920.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(30.657.967.758)	(30.657.967.758)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2021</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>852.875.935</b>	<b>-</b>	<b>27.771.460.050</b>	<b>12.737.289.132</b>	<b>301.361.625.117</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 11/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2021.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	132.600.000.000	132.600.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	114.096.000.000	114.096.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	13.304.000.000	13.304.000.000
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

**4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	260.000.000.000	260.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 30/06</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

**4.18.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.737.289.132	13.875.943.016
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.579.537.807
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	12.737.289.132	11.296.405.209
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	26.000.000	25.982.589
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>490</b>	<b>435</b>

**4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.737.289.132	13.875.943.016
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.579.537.807
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.737.289.132	11.296.405.209
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	26.000.000	25.982.589
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.000.000	25.982.589
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>490</b>	<b>435</b>

Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo số thực tế.

Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay.

**4.18.7. Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 16/04/2021 của Hội đồng quản trị trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 16/04/2021, Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ chi trả là 10% và cổ tức bổ sung năm 2018 với tỷ lệ chi trả 1,79%. Tổng cộng cổ tức chi trả là: 11,79%/cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 1179 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10/06/2021. Ngày chi trả cổ tức là ngày 30/06/2021.

**4.18.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	23.179.047.213
Trích trong kỳ	4.592.412.837
Chi trong kỳ	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>27.771.460.050</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu sản xuất, cung cấp nước sạch	144.158.979.957	168.933.802.109
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.952.982.204	3.194.939.497
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	302.172.370	227.463.169
Doanh thu hoạt động khác	511.888.074	-
<b>Cộng</b>	<b>149.926.022.605</b>	<b>172.356.204.775</b>

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	10.222.091	9.382.727
<b>Cộng</b>	<b>10.222.091</b>	<b>9.382.727</b>

5.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	125.840.865.543	148.970.272.755
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.286.730.086	2.850.424.918
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	197.708.559	118.243.937
Giá vốn hoạt động khác	458.874.438	-
<b>Cộng</b>	<b>130.784.178.626</b>	<b>151.938.941.610</b>

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.876.243.324	2.255.642.148
<b>Cộng</b>	<b>1.876.243.324</b>	<b>2.255.642.148</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 5.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	2.617.032.776	2.588.685.206
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(272.195.749)	(794.329.200)
<b>Cộng</b>	<b>2.344.837.027</b>	<b>1.794.356.006</b>

## 5.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.000.000	322.838.176
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>322.838.176</b>

## 5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.963.984.481	1.884.912.628
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.136.365	554.827.346
Chi phí khấu hao TSCĐ	227.945.796	300.304.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.191.893.193	886.535.892
Chi phí bằng tiền khác	695.278.224	903.014.976
<b>Cộng</b>	<b>4.167.238.059</b>	<b>4.529.595.570</b>

## 5.8. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu phí thoát nước, phí BVMT	1.792.940.891	2.427.578.516
Thu nhập khác	58.977.274	50.224.120
<b>Cộng</b>	<b>1.851.918.165</b>	<b>2.477.802.636</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5.9. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hỗ trợ thu phí BVMT	1.793.047.442	2.425.188.000
Chi phí khác	8.722.331	148.228.592
<b>Cộng</b>	<b>1.801.769.773</b>	<b>2.573.416.592</b>

**5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.150.603.620	34.888.080.115
Chi phí nhân công	34.060.745.011	36.061.656.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.535.697.352	63.780.164.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.020.033.047	18.710.690.512
Chi phí khác bằng tiền	5.425.350.768	4.519.250.514
<b>Cộng</b>	<b>139.192.429.798</b>	<b>157.959.841.912</b>

**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.245.938.518	15.921.118.878
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	120.316.032	357.899.952
Điều chỉnh tăng	120.316.032	357.899.952
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	120.316.032	357.899.952
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.366.254.550	16.279.018.830
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 20%	720.239.312	323.263.039
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 10%	13.646.015.238	15.955.755.791
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.508.649.386	1.660.228.187
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 20%	144.047.862	64.652.608
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 10%	1.364.601.524	1.595.575.579
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.508.649.386</b>	<b>2.045.175.862</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ	1.508.649.386	1.660.228.187
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	384.947.675

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

## 6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay	7.847.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.847.000.000</b>	<b>-</b>

## 6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay	12.353.080.000	15.601.607.400
<b>Cộng</b>	<b>12.353.080.000</b>	<b>15.601.607.400</b>

## 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, cung cấp nước;
- Hoạt động xây lắp;
- Hoạt động khảo sát, thiết kế;
- Hoạt động khác.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Sản xuất, cung cấp nước		Xây lắp		Khảo sát, thiết kế		Khác		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu thuần</b>										
Từ khách hàng	144.148.757.866	168.924.419.382	4.952.982.204	3.194.939.497	302.172.370	227.463.169	511.888.074	-	149.915.800.514	172.346.822.048
<b>Cộng</b>	<b>144.148.757.866</b>	<b>168.924.419.382</b>	<b>4.952.982.204</b>	<b>3.194.939.497</b>	<b>302.172.370</b>	<b>227.463.169</b>	<b>511.888.074</b>	<b>-</b>	<b>149.915.800.514</b>	<b>172.346.822.048</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>										
Giá vốn hàng bán	125.840.865.543	148.970.272.755	4.286.730.086	2.850.424.918	197.708.559	118.243.937	458.874.438	-	130.784.178.626	151.938.941.610
Chi phí bán hàng	288.459.437	316.427.369	9.911.528	5.984.726	604.684	426.082	1.024.351	-	300.000.000	322.838.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.006.930.476	4.439.648.452	137.678.990	83.968.962	8.399.543	5.978.156	14.229.050	-	4.167.238.059	4.529.595.570
<b>Cộng</b>	<b>130.136.255.456</b>	<b>153.726.348.576</b>	<b>4.434.320.604</b>	<b>2.940.378.606</b>	<b>206.712.786</b>	<b>124.648.174</b>	<b>474.127.839</b>	<b>-</b>	<b>135.251.416.685</b>	<b>156.791.375.356</b>
<b>Kết quả HĐKD</b>	<b>14.012.502.410</b>	<b>15.198.070.806</b>	<b>518.661.600</b>	<b>254.560.891</b>	<b>95.459.584</b>	<b>102.814.995</b>	<b>37.760.235</b>	<b>-</b>	<b>14.664.383.829</b>	<b>15.555.446.692</b>
Doanh thu HĐTC									1.876.243.324	2.255.642.148
Chi phí tài chính									2.344.837.027	1.794.356.006
Thu nhập thuần khác									50.148.392	(95.613.956)
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>									<b>14.245.938.518</b>	<b>15.921.118.878</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành									1.508.649.386	2.045.175.862
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>									<b>12.737.289.132</b>	<b>13.875.943.016</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Công ty liên kết
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
<b>Phải trả thương mại:</b>		
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu	3.084.900.000	3.003.000.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.12</b>	<u><u>3.084.900.000</u></u>	<u><u>3.003.000.000</u></u>

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
<b>Phải trả khác:</b>		
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	12.891.147.308	13.327.147.308
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.16</b>	<u><u>12.891.147.308</u></u>	<u><u>13.327.147.308</u></u>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu		
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.456.400.000	17.107.143.160
	<u><u>Kỳ này VND</u></u>	<u><u>Kỳ trước VND</u></u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Chia cổ tức	15.635.563.557	-
Thanh toán tiền liên quan đến nhận bàn giao tài sản	436.000.000	436.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Nước sạch REE		
Chia cổ tức	13.453.659.574	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	1.961.667.000	2.530.000.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	303.927.800	313.560.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Đàm  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Văn Quân  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà  
Người lập

